

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST  
Ngày: 12- 02-2026  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tất Bấy.

Bà Phạm Thị Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Khiết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Vương Văn Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 316/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2026/QĐST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa:

*\* Nguyên đơn:* Chị Trương Thị H, sinh năm 1968. (Có mặt).

Trú tại: TDP T, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

*\* Bị đơn:* 1/ Anh Nguyễn Trọng D, sinh năm 1973. (Có mặt).

2/ Chị Giáp Thị M, sinh năm 1975. (Vắng mặt).

Đều trú tại: TDP T, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2025 những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:*

Bà có quan hệ quen biết vô với vợ chồng anh D, chị M. Vào ngày 23/7/2016 (AL) vợ chồng chồng chị D, M có vay bà số tiền 100.000.000 đồng

(Một trăm triệu đồng). Khi vay hai bên làm giấy vay tiền, vợ chồng chị M, D tự nguyện ký vào giấy vay tiền. Thời hạn trả và lãi xuất thỏa thuận bằng miệng, khi nào bà yêu cầu thì vợ chồng M, D có trách nhiệm trả cả gốc và lãi. Đến ngày 16/9/2018 (AL) bà và anh D, Mai chốt lại nợ thì anh D, chị M nợ cả gốc và lãi 110.000.000 đồng, sau đó trả vợ chồng D, M trả số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ lại 90.000.000 đồng tiền gốc, khi chốt nợ bà trực tiếp ký vào giấy nhận số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả và lãi xuất thỏa thuận bằng miệng, khi nào bà yêu cầu thì vợ chồng D, M có trách nhiệm trả nợ. Đến năm 2024 bà cần tiền đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng D, Mai K không trả. Thấy quyền lợi bị xâm phạm ban đầu bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Trọng D, chị Giáp Thị M trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính 90.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi 190.000.000 đồng.

Nay bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh giải quyết.

Buộc vợ chồng anh D, chị M trả số tiền gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi suất 10%/01 năm tính từ ngày 16/9/2018 (Âm lịch) tức ngày 25/9/2018 (DL) đến khi giải quyết xong vụ án 12/02/2026 (DL) là (07 năm 4 tháng 17 ngày) = 66.401.100 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 156.401.100 đồng. Việc vay nợ không liên quan đến chồng con bà cũng như các con anh D, chị M.

*\* Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Trọng D, chị Giáp Thị M đều trình bày:* Vợ chồng anh chị đều xác định có quan hệ quen biết với bà H. Ngày 23/7/2016 (AL) vợ chồng anh chị có ký vay bà H số tiền gốc 100.000.000 đồng, đến ngày 16/9/2018 (AL) vợ chồng anh chị và bà H chốt nợ cả gốc và lãi 110.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ lại 90.000.000 tiền gốc. Nay bà H khởi kiện đề nghị Tòa án Khu vực 5 - Bắc Ninh giải quyết buộc vợ chồng anh chị trả số tiền gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi suất 10%/01 năm tính từ ngày 16/9/2018 (Âm lịch) tức ngày 25/9/2018 (DL) đến khi giải quyết xong vụ án ngày 12/02/2026 (07 năm 4 tháng 17 ngày) = 66.401.100 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 156.401.100 đồng. Vợ chồng anh chị nhất trí trả cho bà H số tiền gốc nhưng mong bà H cho thời gian mỗi năm trả một ít, vợ chồng anh chị xin tiền lãi. Việc vay nợ không liên quan đến con anh chị.

*\* Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị Trương Thị H và bị đơn anh Nguyễn Trọng D không thống nhất giải quyết vụ án. Bị đơn chị Giáp Thị M vắng mặt, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của chị Giáp Thị M, nguyên đơn chị Trương Thị H và bị đơn anh Nguyễn Trọng D đều nhất trí với lời khai của chị Giáp Thị M.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên

đơn bà Trương Thị H đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Trọng D chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Giáp Thị M chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Trọng D, chị Giáp Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị H số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 12/02/2026 là 66.401.100 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 156.401.100 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm linh một nghìn một trăm đồng).

Về án phí: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Trọng D, chị Giáp Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Trương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.750.000 đồng theo biên lai thu số: 0003858 ngày 25/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Bắc Ninh

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn bà Trương Thị H chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Trọng D chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Giáp Thị M được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày Ngày 23/7/2016 (AL) vợ chồng anh Nguyễn Trọng D, bà Giáp Thị M và bà Trương Thị H viết giấy vay tiền đề ngày 23/7/2016 (AL), trong giấy vay tiền thể hiện rõ vợ chồng anh D, chị M vay số tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn trả không thể hiện trong giấy vay tiền, khi bà H yêu cầu vợ chồng anh D, chị M trả nợ nhưng vợ chồng anh D, chị M không trả nợ. Ngày 13/11/2025 bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Trọng D, chị Giáp Thị M có địa chỉ cư trú tại: TDP T, phường C, tỉnh Bắc Ninh phải trả số nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính 90.000.000 đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[4.1] Vợ chồng anh Nguyễn Trọng D, chị Giáp Thị M và bà Trương Thị H có quan hệ quen biết. Ngày 23/07/2016 (AL) vợ chồng anh D, chị M có ký giấy vay bà H số tiền 100.000.000 đồng, vợ chồng D, M tự nguyện ký vào giấy vay tiền, đến ngày 16/9/2018 (AL) anh D, chị M và bà H chốt lại nợ, số tiền anh D, chị M còn nợ bà H 110.000.000 đồng, anh D, chị M đã trả được bà số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ lại 90.000.000 đồng tiền gốc. Cả vợ chồng anh D, chị M và bà H đều thừa nhận còn nợ lại 90.000.000 đồng tiền gốc. Do vậy cần xác định anh D, chị M còn nợ lại bà H số tiền gốc 90.000.000 đồng. Bà H yêu cầu trả ngay, vợ chồng anh D, chị M xin trả dần. Các bên không thống nhất được thời hạn trả nợ.

Về lãi suất: Bà H yêu cầu vợ chồng D, M trả lãi suất phát sinh 10%/01 năm (tương đương 0,83%/tháng, 0,027%/ngày) của số tiền 90.000.000 đồng từ ngày 16/9/2018 (AL) tức ngày 25/9/2018 (DL) cho đến ngày xét xử ngày 12/02/2026 (07 năm 4 tháng 17 ngày) = 66.401.100 đồng. Anh Dũng, chị M xin bà H không phải trả lãi. Các bên không thống nhất được lãi suất do vậy cần buộc vợ chồng anh D, chị M chịu lãi suất 10%/01 năm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

[4.2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy các bên thống nhất được số tiền gốc phải trả là 90.000.000 đồng, tuy nhiên không thống nhất được thời hạn trả và lãi suất phải trả. Do vậy cần buộc vợ chồng anh D, chị M phải trả cho bà Trương Thị H số tiền gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi 10%/01 năm tính từ ngày 16/9/2018 (AL) tức ngày 25/9/2018 (DL) cho đến ngày xét xử ngày 12/02/2026 (07 năm 4 tháng 17 ngày) = 66.401.100 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 156.401.100 đồng.

[4.3] Từ những lập luận nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H buộc bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Trọng D, chị Giáp Thị M phải trả số tiền gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh lầtính từ ngày 16/9/2018 (AL) tức ngày 25/9/2018 (DL) cho đến ngày xét xử ngày 12/02/2026 (07 năm 4 tháng 17 ngày) = 66.401.100 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 156.401.100 đồng là phù hợp với các Điều 463 và Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị H khởi kiện được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Trương Thị H số tiền tạm

ứng án phí đã nộp là 4.750.000 đồng theo biên lai thu số: 0003858 ngày 25/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Bắc Ninh.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Trọng D, chị Giáp Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

□ Áp dụng Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H:**

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Trọng D, chị Giáp Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị H số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 12/02/2026 (07 năm 04 tháng 17 ngày) là 66.401.100 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 156.401.100 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm linh một nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 và khoản 2, Điều 468- Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### **2. Về án phí: Hoàn trả bà Trương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.750.000 đồng theo biên lai thu số: 0003858 ngày 25/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Bắc Ninh.**

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Trọng D, chị Giáp Thị M phải chịu 7.820.055 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn không trăm năm mươi năm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

#### **3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng**

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Hiếu**

**Trình bày yêu cầu khởi kiện:**

Tôi quen biết vợ với vợ chồng anh D, chị M. Vào ngày 23/7/2016 (AL) vợ chồng anh D, M có vay bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khi vay hai bên làm giấy vay tiền. Đến ngày 16/9/2018 (AL) tức ngày 25/9/2018 (DL) chốt lại nợ thì anh D, chị M nợ cả gốc và lãi 110.000.000 đồng, sau đó trả vợ chồng D, M trả số tiền 20.000.000 đồng (10.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi), còn nợ lại 90.000.000 đồng tiền gốc, thời hạn trả và lãi xuất thỏa thuận bằng miệng, khi nào bà yêu cầu thì vợ chồng D, M có trách nhiệm trả nợ. Đến năm 2024 tôi cần tiền đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng D, Mai K không trả.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh giải quyết buộc vợ chồng D, M trả số tiền gốc tiền gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi suất 10%/01 năm tính từ ngày 16/9/2018 (Âm lịch) tức ngày 25/9/2018 (DL) đến khi giải quyết xong vụ án 12/02/2026 (DL) là (07 năm 4 tháng 17 ngày) = 66.401.100 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 156.401.100 đồng. Việc vay nợ không liên quan đến chồng con bà cũng như các con anh D, chị M.